

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/HNGĐ-ST

Ngày 11/7/2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hoàn;

2. Ông Mai Tấn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 274/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1967, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 19/5/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh Văn H trình bày:**

Ông và bà Nguyễn Thị H1 tổ chức lễ cưới vào năm 1989, đến ngày 12/7/2004 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà H1 chi tiêu tiền bạc không rõ ràng làm cho vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Đến năm 2018 thì mâu thuẫn đến mức đỉnh điểm không thể giải quyết được nữa.

Thời gian qua mặc dù ông đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Tuy hiện tại, ông và bà H1 còn sống chung nhà nhưng không còn sinh hoạt vợ chồng từ tháng 2/2023 đến nay. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà H1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị D, sinh ngày 04/01/1991 và Huỳnh Minh K, sinh ngày 13/12/1996. Hiện hai con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo tờ tự khai ghi ngày 21/6/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:***

- Về thời gian kết hôn, con chung như ông H trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng bà không có mâu thuẫn gì cả, bà chi tiêu tiền bạc vào mục đích cho gia đình chứ không xài cho cá nhân bà, vợ chồng xài tiền chung từ khi kết hôn cho đến nay. Hiện bà và ông H vẫn còn sống chung nhà, sinh hoạt vợ chồng bình thường, hạnh phúc với nhau, không có mâu thuẫn gì lớn, bà rất thương ông H nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị D, sinh ngày 04/01/1991 và Huỳnh Minh K, sinh ngày 13/12/1996. Hiện hai con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do không đồng ý ly hôn nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông H có đơn yêu cầu ly hôn với bà H1, bị đơn bà H1 cư trú tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp “Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà H1 giữ nguyên ý kiến trình bày, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 92 vào ngày 12/7/2004, được xem là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của ông H thì mâu thuẫn giữa ông và bà H1 xuất phát từ việc ông bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp nên thường xảy ra cãi vã nhau. Tại phiên tòa, bà H1 cho rằng giữa bà và ông H không có mâu thuẫn gì cả, do bà lớn tuổi hay quên nên làm ông H không vừa ý nhưng đó chỉ là những chuyện nhỏ trong gia đình, bà với ông H chung sống với nhau rất hạnh phúc nên bà không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mặc dù ông H cương quyết xin ly hôn vì ông đã không còn tình cảm với bà H1, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông H không nêu ra được nguyên nhân mâu thuẫn chính giữa ông và bà H1 là gì. Đồng thời, ông H khẳng định đến thời điểm hiện tại thì bà H1 chưa làm gì có lỗi với ông cũng như chưa vi phạm nghĩa vụ của người vợ. Tuy những mâu thuẫn mà ông H nêu ra đã phát sinh từ năm 2015 đến nay nhưng ông và bà H1 vẫn sống chung nhà, ăn uống sinh hoạt chung. Điều đó cho thấy, ông bà chưa thật sự sống ly thân nhau, tình cảm vợ chồng giữa ông bà vẫn còn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà H1 không đồng ý ly hôn với ông H và chấp nhận nếu ông H chưa hài lòng bà về vấn đề gì thì bà sẽ sửa đổi để vợ chồng cho nhau cơ hội hàn gắn. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận thấy được bà H1 rất có thiện chí hàn gắn tình cảm với ông H, mâu thuẫn giữa ông H và bà H1 chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, chưa đến mức trầm trọng, còn có thể hàn gắn được nên cần cho nhau thời gian để cả hai suy nghĩ, vun đắp tình cảm gia đình. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông H.

[3] Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn nên về con chung, tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Ông H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không cho ông Huỳnh Văn H ly hôn với bà Nguyễn Thị H1.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0017653 ngày 30/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên ông H đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Nhanh